TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-05-2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Khụt và Bà Cầm Thị Thúy Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2026/TLST-HN&GĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị C; sinh năm 1998; số CCCD: 0111980064438, ngày cấp: 04/05/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTHX; địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn H, sinh năm 1993; số CCCD: 011093005138; ngày cấp: 10/5/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTHX; địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2026, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, chị Lò Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2015 và đăng ký kết hôn với nhay ngày 22/5/2017 tại UBND xã M, huyện

T, tỉnh Điện Biên (Nay là UBND xã M, tỉnh Điện Biên) hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh H còn sử dụng ma túy không tu trí làm ăn chăm lo cho gia đình, chị C đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2021 anh H bị đi chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, năm 2022 ra trại. Đến ngày 10/6/2023 bị TAND quận Nam Từ Niêm tuyên 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 10/10/2025 chấp hành án xong nhưng anh H vẫn không thay đổi, không tu trí làm ăn chăm lo cho gia đình. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Lò T Cưu yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Quàng Anh K, sinh ngày 23/10/2015. Khi ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị C không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

* Về phía bị đơn anh Quàng Văn H: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và triệu tập anh H, nhưng anh H không đến. Tòa án đã đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để xác minh thì được trưởng bản ông Lò Văn H1 cho biết: Anh Quàng Văn H có hộ khẩu thường trú tại Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên, nhưng đi về thất thường, không xác định được thời gian. Vì lý do đó nên Tòa án không giao thông báo thụ lý được. Do vậy Tòa án đã tiến hành lập các biên bản xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh H vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 20/4/2026, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, Tòa án đã niêm yết văn bản nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 20/4/2026, chị C đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2026 và đã niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật, anh Quàng Văn H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết theo luật định.

Tại phiên toà ngày 29/5/2026, chị Lò Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện. Anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị C: Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của chị C ly hôn, tài sản chung, nợ chung. Đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét, giải quyết cho chị C được ly hôn với anh H; về con chung, giao cháu Quàng Anh K, sinh ngày 23/10/2015 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị C không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Quàng Văn H, nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), anh H đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 20/4/2026 chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn chị Lò Thị C, được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Quàng Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ

luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị C và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2015 và đăng ký kết hôn với nhay ngày 22/5/2017 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là UBND xã M, tỉnh Điện Biên) hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh H còn sử dụng ma túy không tu trí làm ăn chăm lo gia đình, chị C đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2021 anh H bị đi chấp hành án về tội tàng trữ ma túy, đến năm 2022 chấp hành án xong nhưng anh H vẫn không tu trí làm ăn chăm lo cho gia đình. Đến năm 2023 đi chấp hành án về tội tàng trữ ma túy, đến ngày 10/10/2025 chấp hành án xong. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C thấy mệt mỏi với cuộc hôn nhân.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị C về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Lò Thị C và anh Quàng Văn H không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị C.

[4] Về con chung:

Chị Lò Thị C và anh Quàng Văn H có 01 con chung là cháu Quàng Anh K, sinh ngày 23/10/2015. Tại Biên bản xác minh của trưởng bản Kệt, xã T, tỉnh Điện Biên và Biên bản lấy lời khai đối với chị C tất cả đều thể hiện, chị Lò Thị C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị C có nhà cửa ổn định (ở cùng bố mẹ đẻ), có thu nhập từ việc làm thuê từ 10.000.000đ đến 12.000.000đồng/01 tháng. Theo lời trình bày thì anh H có đi làm nhưng không quan tâm, liên lạc, chăm sóc con. Xét thấy, nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp nên cần giao cháu K cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Quàng Anh K, sinh ngày 23/10/2015 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến đủ tuổi trưởng thành. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, Điều 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị C.

1. **Về hôn nhân:** Chị Lò Thị C được ly hôn với anh Quàng Văn H.

2. **Về nuôi con chung**:

Giao cháu Quàng Anh K, sinh ngày 23/10/2015 cho chị Lò Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Quàng Văn H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Mùn, tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Thị Khụt **Cầm Thị Thúy Ngân** **Bùi Thanh Tuấn**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Thị Liên **Trần Văn Thanh** **Bùi Thanh Tuấn**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Thị Dậu **Nguyễn Thị Nhung** **Bùi Thanh Tuấn**